

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2023/NĐ-CP

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh		
1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (sau đây gọi chung là Luật Sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan.	1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (sau đây gọi chung là Luật Sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan, bao gồm: khoản 5 Điều 6, khoản 5 Điều 7, Điều 8a, khoản 3 Điều 11b, khoản 5 Điều 11, khoản 4 Điều 14, Điều 24, Điều 25, Điều 25a, các khoản 1, 3a, 4, 5 Điều 26, Điều 32, các khoản 1, 2a, 3 Điều 33, khoản 4 Điều 42, khoản 3 Điều 43, khoản 2 Điều 44a, khoản 5 Điều 49, khoản 1 Điều 50, Điều 55, Điều 56, khoản	- Bổ sung Luật số 131/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT. - Không thay đổi hay mở rộng phạm vi điều chỉnh so với Nghị định số 17/2023/NĐ-CP và nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật SHTT sửa đổi 2025. - Chỉnh sửa kỹ thuật, nêu rõ nội dung quy định chi tiết, phù hợp với quy định tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật BHVBQPPL.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	3 Điều 57, Điều 198b, khoản 6 Điều 201, khoản 6 Điều 202, khoản 2 Điều 214, khoản 5 Điều 216.	
	2. Nghị định này quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về chính sách của Nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, tác phẩm phái sinh, đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả, các quyền tác giả, quyền liên quan, quyền của đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm di cảo, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan, tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan, tranh chấp và xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xác định thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, yêu cầu và giải quyết yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xử lý xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan.	Nêu rõ nội dung quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành, phù hợp với quy định tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật BHVBQPPL.
2. Nghị định này không quy định biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền trong trường hợp Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, Nhà nước đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp thuộc giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan thì thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này.	Giữ nguyên	
Điều 3. Giải thích từ ngữ		
Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được	Giữ nguyên	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
hiều như sau:		
	12a. Tín hiệu cấp mang chương trình được mã hóa là tín hiệu cấp mang chương trình được truyền đi mà một trong hai đặc tính âm thanh, hình ảnh hoặc cả hai đặc tính này đã được biến đổi, thay đổi nhằm mục đích ngăn cản những người không có thiết bị giải mã tín hiệu cấp hợp pháp thu trái phép chương trình được truyền trong tín hiệu đó.	Bổ sung giải thích từ ngữ “tín hiệu cấp mang chương trình được mã hóa” cho phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 71 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT 2025. Tương ứng với từ ngữ “tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa” tại khoản 12 Điều này.
Điều 5. Trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan		
1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.	Giữ nguyên	
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:	Giữ nguyên	
g) Quản lý hoạt động của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan và tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan;	g) Quản lý hoạt động của các tổ chức đại diện quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan và tổ chức tư vấn , dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan;	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật sửa đổi SHTT 2025 (điểm d, đ, e khoản 71 Điều 1).
h) Phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng;	h) Phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do tổ chức đại diện quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng;	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật sửa đổi SHTT 2025 (điểm d, đ khoản 71 Điều 1).
	p1) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan; chia sẻ, tích hợp dữ liệu với các cơ quan, tổ chức có liên quan;	Bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước theo Điều 11b Luật SHTT sửa đổi 2025 và Điều 5c của dự thảo Nghị định.
q) Quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động giám	q) Quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động giám định	Phân cấp nhiệm vụ “cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
định về quyền tác giả, quyền liên quan; cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan; Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;	về quyền tác giả, quyền liên quan; cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan ; Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;	giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan” về địa phương. Thực hiện Công điện số 168/CD-TTg ngày 21/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.
r) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;	r) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật , giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;	Theo Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, Luật số 136/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.	Giữ nguyên	
4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:	Giữ nguyên	
d) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương;	d) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương; cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan ;	Tương ứng nội dung bãi bỏ tại điểm q khoản 2 Điều này.
đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo, vi phạm các quy định của pháp	đ) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật , xử lý theo thẩm quyền các giải quyết khiếu nại, tố cáo; và xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về quyền tác	Chỉnh sửa cho tương ứng với cấp trung ương

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương;	giả, quyền liên quan tại địa phương;	
5. Cục Bản quyền tác giả là cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.	5. Cục Bản quyền tác giả là cơ quan chuyên môn chức hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.	Chỉnh sửa phù hợp với Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
	Điều 5a. Việc phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo 1. Quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong trường hợp con người có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo để sáng tạo, định hình hoặc thực hiện chỉ phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Sở hữu trí tuệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Con người đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo tác phẩm, định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm: Thiết lập các câu lệnh để điều khiển hệ thống trí tuệ nhân tạo; Đánh giá, lựa chọn, chỉnh sửa, can thiệp hoặc diễn giải kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra; Lựa chọn, sắp xếp, tổ chức nội dung đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan; Đưa ra các quyết định nghệ thuật, thẩm mỹ hoặc chuyên môn; Quyết định kết quả cuối cùng.	Bổ sung Điều 5a để quy định chi tiết khoản 5 Điều 6 LSHTT sửa đổi 2025. <i>“5. Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định việc phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này trong trường hợp đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo.”</i> Khẳng định: Quyền tác giả chỉ phát sinh khi có dấu ấn cá nhân, sự lựa chọn sáng tạo và kiểm soát trực tiếp của con người trong các khâu: đặt lệnh (prompt), tinh chỉnh và xử lý hậu kỳ. Bảo vệ nguyên tắc con người mới là tác giả theo Điều 12a Luật SHTT. Mục đích là khuyến khích sự sáng tạo thực chất, bảo vệ tài sản trí tuệ của tác giả con người có ứng dụng công nghệ. Tham khảo Tài liệu hướng dẫn đăng ký của Văn phòng bản quyền Hoa Kỳ.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	b) Con người chịu trách nhiệm về đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan của mình được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; c) Không gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan của các đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho hệ thống trí tuệ nhân tạo; d) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. 2. Người sáng tạo tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là tác giả hoặc đồng tác giả của tác phẩm được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo. 3. Khi có yêu cầu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo, người sáng tạo, định hình hoặc thực hiện đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan phải chứng minh về việc sáng tạo, định hình hoặc thực hiện của mình và phải kê khai trung thực việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 4. Trường hợp sản phẩm hoàn toàn do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra hoặc không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì không làm phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ. 5. Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo là tổ chức, cá nhân	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	theo quy định tại Chương III của Luật Sở hữu trí tuệ.	
	Điều 5b. Quản lý, khai thác quyền tác giả, quyền liên quan 1. Chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan lập và quản lý danh mục riêng để quản trị nội bộ trong trường hợp quyền tác giả, quyền liên quan chưa đáp ứng điều kiện để ghi nhận giá trị tài sản trong sổ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 8a của Luật Sở hữu trí tuệ. Việc lập và quản lý danh mục không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật. 2. Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Đối với tác phẩm được bảo hộ: tên tác phẩm; loại hình tác phẩm; tác giả, đồng tác giả (tên, bút danh; ngày, tháng, năm sinh; năm chết, nếu có); chủ sở hữu quyền tác giả; nội dung chính của tác phẩm; thời điểm định hình; thời điểm, hình thức công bố (nếu đã công bố); b) Đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được bảo hộ: tên cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; người biểu diễn; chủ sở hữu quyền liên quan; nội dung chính của cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; thời điểm định hình, thực hiện; thời điểm, hình thức công bố (nếu đã công bố); c) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (nếu có); d) Căn cứ phát sinh quyền sở hữu hoặc sử dụng (tự	Bổ sung Điều 5b để quy định chi tiết Điều 8a Luật SHTT sửa đổi 2025.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	sáng tạo, giao nhiệm vụ, giao kết hợp đồng sáng tạo, nhận chuyển nhượng, nhận chuyển quyền sử dụng, được thừa kế, kế thừa, tặng cho hoặc hình thức hợp pháp khác); đ) Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát sinh quyền sở hữu hoặc sử dụng; chi phí trực tiếp liên quan đến việc thực hiện các hoạt động đăng ký, sửa chữa, nâng cấp, quản lý, bảo vệ quyền (nếu có); chi phí thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan (nếu có); e) Tình trạng khai thác, sử dụng (tự khai thác, sử dụng, chuyển quyền sử dụng, chuyển nhượng và tiền bản quyền thu được, nếu có). 3. Chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan được sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan của mình để thực hiện các hoạt động giao dịch dân sự, thương mại, đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, bao gồm các hình thức sau: a) Chuyển nhượng quyền sở hữu; b) Chuyển quyền sử dụng; c) Góp vốn bằng quyền tác giả, quyền liên quan; d) Sử dụng làm tài sản bảo đảm; đ) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	
	Điều 5c. Cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan 1. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về	Bổ sung Điều 5c để quy định chi tiết khoản 1 Điều 11b Luật SHTT sửa đổi 2025.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	quyền tác giả, quyền liên quan, quản lý và tổ chức thực hiện việc chia sẻ, kết nối, khai thác, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan. 2. Cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan được tập hợp một cách chọn lọc, có hệ thống, phù hợp với các mục đích tra cứu, liên quan đến: a) Thông tin Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp; b) Thông tin về tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan; c) Thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan; d) Thông tin về tổ chức giám định và giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan; đ) Thông tin về tổ chức đáp ứng điều kiện liên quan đến trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật và danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức; e) Thông tin về đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian; g) Thông tin về thực thi quyền tác giả, quyền liên quan; h) Thông tin về giá giao dịch quyền tác giả, quyền liên quan; i) Thông tin liên quan khác. 3. Việc thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải phù hợp với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	vệ bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin và quy định của pháp luật khác có liên quan.	
Chương II QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Mục 1 QUYỀN TÁC GIẢ		
Điều 8. Đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả		
3. Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:	Giữ nguyên	
c) Phương pháp là cách thức nghiên cứu, nhìn nhận các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội;	c) Phương pháp là cách thức nghiên cứu, nhìn nhận các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội Phương pháp hoạt động là tập hợp các hướng dẫn, quy tắc, cách thức hoặc quy trình để thực hiện một công việc, vận hành một hoạt động hoặc giải quyết một vấn đề cụ thể;	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ phạm vi đối tượng không được bảo hộ quyền tác giả là “phương pháp hoạt động”, theo đó bản chất của đối tượng không được bảo hộ là cách thức thực hiện, vận hành hoặc tổ chức hoạt động, không phải là sự thể hiện sáng tạo dưới hình thức tác phẩm. Phù hợp với Điều 9.2 Hiệp định TRIPs.
	4. Ý tưởng; khẩu hiệu; tên tác phẩm một cách độc lập quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau: a) Ý tưởng là các suy nghĩ, dự định, phương hướng sáng tạo chưa được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định, chưa phải là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học;	Bổ sung khoản 4 để hướng dẫn khoản 4 Điều 15 Luật SHTT sửa đổi 2025.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	b) Khẩu hiệu là các cụm từ ngắn gọn, thông điệp mang tính quảng bá hoặc nhận diện mà không thể hiện được dấu ấn cá nhân hoặc sự lựa chọn sáng tạo độc lập của tác giả vượt ra ngoài các cách diễn đạt thông thường về ngôn ngữ; c) Tên tác phẩm một cách độc lập được hiểu là tên gọi của tác phẩm khi đứng tách rời khỏi nội dung tác phẩm đó.	
Mục 2 QUYỀN LIÊN QUAN		
Mục 3 CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN, SỬ DỤNG TÁC PHẨM, CUỘC BIỂU DIỄN, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ		
Điều 22. Sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan		Điều này quy định chi tiết theo khoản 4 Điều 42 Luật SHTT
1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ phải tôn trọng quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 19 và khoản 2 Điều 29 của Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện các nghĩa vụ đối với quyền tài sản như sau: a) Phải xin phép sử dụng và trả tiền bản quyền	1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ phải tôn trọng quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 19 và khoản 2 Điều 29 của Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện các nghĩa vụ đối với quy định về quyền tài sản như sau: a) Phải xin phép sử dụng và trả tiền bản quyền đối	Bổ sung trích dẫn phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11 Điều 1).

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ; b) Không phải xin phép sử dụng nhưng phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ; c) Không phải xin phép sử dụng và không phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 25, Điều 25a, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và khoản 1 Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ.	với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ; b) Không phải xin phép sử dụng nhưng phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 1, 3a Điều 26 và khoản 1, 2a Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ; c) Không phải xin phép sử dụng và không phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 25, Điều 25a, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và khoản 1 Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ.	
2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này với cơ quan sau đây: a) Cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để sáng tạo tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ; b) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ.	2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này với cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 3 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ. sau đây: a) Cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để sáng tạo tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ; b) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ.	Sửa đổi theo hướng dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 42 Luật SHTT sửa đổi 2025 quy định về “<i>Xác định cơ quan là đại diện chủ sở hữu, cơ quan đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan</i>”.
3. Tổ chức, cá nhân xin phép sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1	3. Tổ chức, cá nhân xin phép sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện như	Bỏ TTHC về chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
Điều này thực hiện như sau:	sau:	Đồng thời quy định điều chỉnh cơ chế sử dụng linh hoạt hơn, phù hợp với pháp luật dân sự, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về xác lập về sở hữu toàn dân.
a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này; b) Thành phần hồ sơ: Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan (theo Mẫu số 01 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này); Kế hoạch sử dụng; Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản); Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền.	a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này; b) Thành phần hồ sơ: Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan (theo Mẫu số 01 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này); Kế hoạch sử dụng; Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản); Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền.	
c) Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này gửi thông báo nộp tiền bản quyền kèm theo bản dự tính tiền bản quyền đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; d) Tổ chức, cá nhân nhận được thông báo phải	e) Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này gửi thông báo nộp tiền bản quyền kèm theo bản dự tính tiền bản quyền đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; d) Tổ chức, cá nhân nhận được thông báo phải nộp tiền bản quyền theo bản dự tính tiền bản quyền trong	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
nộp tiền bản quyền theo bản dự tính tiền bản quyền trong thời hạn 5 ngày làm việc (có bản sao chứng từ nộp tiền bản quyền); đ) Sau khi nhận được tiền bản quyền, trong thời hạn 5 ngày làm việc, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này ban hành văn bản chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;	thời hạn 5 ngày làm việc (có bản sao chứng từ nộp tiền bản quyền); đ) Sau khi nhận được tiền bản quyền, trong thời hạn 5 ngày làm việc, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này ban hành văn bản chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;	
e) Tổ chức, cá nhân được chấp thuận sử dụng chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo hồ sơ đã được chấp thuận; g) Trường hợp từ chối hồ sơ đề nghị chấp thuận việc sử dụng: Hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản này; Hết thời hạn quy định tại điểm d khoản này mà tổ chức, cá nhân không nộp tiền bản quyền theo thông báo.	e) Tổ chức, cá nhân được chấp thuận sử dụng chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo hồ sơ đã được chấp thuận; g) Trường hợp từ chối hồ sơ đề nghị chấp thuận việc sử dụng: Hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản này; Hết thời hạn quy định tại điểm d khoản này mà tổ chức, cá nhân không nộp tiền bản quyền theo thông báo.	
	3. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ: a) Việc khai thác quyền tác giả, quyền liên quan quy định phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; b) Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu là đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định: “Cơ quan nhà nước/Đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng nhà ở công vụ, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản công khác để khai thác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện theo quy định của pháp luật.”

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công c) Các trường hợp còn lại thực hiện như sau: Người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc khai thác quyền tác giả, quyền liên quan thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền được giao, trường hợp vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định theo quy định của pháp luật. Việc quyết định khai thác quyền tác giả, quyền liên quan phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trữ trong hồ sơ quản lý tài sản công. Số tiền bản quyền thu được từ việc khai thác tài sản công là quyền tác giả, quyền liên quan sau khi trừ đi các khoản chi phí có liên quan đến việc tổ chức khai thác, sử dụng, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có), phần còn lại nộp về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan. 4. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ: a) Trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;	(khoản 4 Điều 34, khoản 4 Điều 54) <i>“Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.”</i> (khoản 5 Điều 6) Quy định tại khoản 3 Điều 14, các khoản 3, 6, 7 Điều 50, Điều 65, Điều 75 của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Theo đó: - Trường hợp cơ quan đại diện thực hiện quyền chủ sở hữu là cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân: <i>việc khai thác tài sản công là quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.</i> - Trường hợp cơ quan đại diện thực hiện quyền chủ sở hữu là đơn vị sự nghiệp công lập: <i>việc khai thác tài sản công là quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và quy định sau:</i> <i>Hình thức khai thác: chuyển quyền sử dụng; góp giá trị quyền sở hữu trí tuệ làm vốn góp để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</i> <i>Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định giá để chuyển quyền sử dụng; giá trị quyền sở hữu trí tuệ để góp vốn.</i>

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	b) Các trường hợp còn lại thực hiện theo khoản 3 Điều này. 5. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.	Số tiền thu được, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần còn lại là nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập, được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. ... Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Theo đó, quy định các nội dung về: quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản, giao quản lý tài sản, lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản...
4. Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm nhận chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.	4. Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm nhận chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.	
5. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.	6. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.	
Điều 23. Sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng		

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan		
2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau khi đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền mà không thể tìm được hoặc không liên hệ được.	2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp hồ sơ trên Công dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau khi đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền mà không thể tìm được hoặc không liên hệ được.	Bổ sung quy định cách thức nộp hồ sơ TTHC, phù hợp với chủ trương về cải cách TTHC theo: Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia. Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:	Giữ nguyên	
d) Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản);	d) Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản);	Đơn giản hóa TTHC Phù hợp với Luật phí, lệ phí
4. Sau 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện như sau:	Giữ nguyên	
5. Hết thời hạn quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này xem	Giữ nguyên	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
xét hồ sơ và thông báo kết quả theo các trường hợp sau:		
a) Trường hợp nhận được văn bản phản đối và xác định được chủ thể quyền theo quy định về giả định quyền tác giả, quyền liên quan và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong thời hạn 30 ngày, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này thông báo kết quả bằng văn bản cho chủ thể quyền và tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để các bên trực tiếp thỏa thuận về việc sử dụng theo quy định của pháp luật;	a) Trường hợp nhận được văn bản phản đối và xác định được chủ thể quyền theo quy định về giả định quyền tác giả, quyền liên quan và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong thời hạn 30 ngày 20 ngày , cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này thông báo kết quả bằng văn bản cho chủ thể quyền và tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để các bên trực tiếp thỏa thuận về việc sử dụng theo quy định của pháp luật;	Đơn giản hóa TTHC Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
b) Trường hợp không nhận được văn bản phản đối hoặc nhận được văn bản phản đối nhưng không xác định được chủ thể quyền theo quy định về giả định quyền tác giả, quyền liên quan và quy định khác của pháp luật có liên quan và không thuộc trường hợp từ chối hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 7 Điều này, trong thời hạn 30 ngày, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này gửi thông báo nộp tiền bản quyền kèm theo bản dự tính tiền bản quyền đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.	b) Trường hợp không nhận được văn bản phản đối hoặc nhận được văn bản phản đối nhưng không xác định được chủ thể quyền theo quy định về giả định quyền tác giả, quyền liên quan và quy định khác của pháp luật có liên quan và không thuộc trường hợp từ chối hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 7 Điều này, trong thời hạn 30 ngày 20 ngày , cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này gửi thông báo nộp tiền bản quyền kèm theo bản dự tính tiền bản quyền đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.	Đơn giản hóa TTHC Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
Tổ chức, cá nhân nhận được thông báo phải nộp tiền bản quyền theo bản dự tính tiền bản quyền trong thời hạn 5 ngày làm việc (có bản sao chứng từ nộp tiền bản quyền);	Giữ nguyên	
c) Sau khi nhận được tiền bản quyền theo điểm b khoản này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này ban hành văn bản chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc	Giữ nguyên	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan đồng thời công khai kết quả trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan. Việc sử dụng được chấp thuận phải là sử dụng có thời hạn và có thể được xem xét gia hạn khi có văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.		
Chương III GIỚI HẠN, NGOẠI LỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Mục 1 NGOẠI LỆ KHÔNG XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, NGOẠI LỆ KHÔNG XÂM PHẠM QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 25. Sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép		
2. Thiết bị sao chép quy định tại các điểm a, b và e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ là thiết bị có chức năng sao chép với toàn bộ hoặc một phần linh kiện liên quan được tự động hóa trên cơ sở có hoặc không có trả tiền dịch vụ bởi bất kỳ ai không thuộc về tổ chức sở hữu, chiếm hữu hoặc khai thác thương mại thiết bị đó.	2. Thiết bị sao chép quy định tại các điểm a, b và e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ là thiết bị có chức năng sao chép với toàn bộ hoặc một phần linh kiện liên quan được tự động hóa trên cơ sở có hoặc không có trả tiền dịch vụ bởi bất kỳ ai không thuộc về tổ chức sở hữu, chiếm hữu hoặc khai thác thương mại thiết bị đó.	Bao quát các trường hợp thiết bị sao chép, bao gồm cả thiết bị sao chép của cá nhân.
Điều 29. Sử dụng tác phẩm trong hoạt động thư viện không nhằm mục đích thương mại		
3. Sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính quy định tại điểm e khoản 1 Điều 25	3. Sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính quy định tại điểm e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở	Luật Thư viện quy định tổ chức dịch vụ thư viện lưu động, ngoài thư viện là chức năng nhiệm vụ của thư viện được triển khai nhằm

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
của Luật Sở hữu trí tuệ phải áp dụng các biện pháp để ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả và không được cung cấp cho công chúng bản sao tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số bên ngoài khuôn viên của thư viện sử dụng hợp pháp bản sao đó.	hữu trí tuệ phải áp dụng các biện pháp để ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả và không được cung cấp cho công chúng bản sao tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số bên ngoài khuôn viên của thư viện sử dụng hợp pháp bản sao đó. Việc sử dụng trên hệ thống máy tính của xe ô tô thư viện lưu động trong phục vụ lưu động, chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị ngoài thư viện nơi không có mạng cũng được coi là sử dụng trong khuôn viên của thư viện.	đẩy mạnh đưa sách, văn hóa đọc về cơ sở, trực tiếp đến với người dân; cụ thể: Tổ chức dịch vụ thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin phục vụ khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn là một trong những hoạt động (điểm d khoản 1 Điều 5); Tổ chức thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện là chức năng, nhiệm vụ của thư viện, đặc biệt là thư viện công cộng (Điều 11), là hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của thư viện (Điều 28) và là một trong những hoạt động phát triển văn hóa đọc (Điều 30)... Phục vụ lưu động ngoài thư viện được xác định là dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu trong lĩnh vực thư viện được quy định tại Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.
Điều 30. Ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật		
4. Chấp thuận các tổ chức theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều này:		
b) Hình thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	b) Hình thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về	Bổ sung quy định cách thức nộp hồ sơ TTHC, phù hợp với chủ trương về cải cách TTHC theo: Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ;	09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
Mục 2 GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 34. Sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan		
2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ có nghĩa vụ liên lạc trực tiếp với chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình hoặc tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan về việc khai thác, sử dụng, cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng và trả tiền bản quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp không tìm thấy hoặc không liên lạc được với chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình thì tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình thực hiện nghĩa vụ	2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại khoản 1, 3a Điều 26 và khoản 1, 2a Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ có nghĩa vụ liên lạc trực tiếp với chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình hoặc tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan về việc khai thác, sử dụng, cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng và trả tiền bản quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp không tìm thấy hoặc không liên lạc được với chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình thì tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình thực hiện nghĩa vụ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều	Bổ sung trích dẫn phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 23 của Nghị định này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục tìm kiếm, quản lý theo quy định tại khoản 8 Điều 23 của Nghị định này.	23 của Nghị định này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục tìm kiếm, quản lý theo quy định tại khoản 8 Điều 23 của Nghị định này.	
3. Tỷ lệ phân chia tiền bản quyền trong trường hợp bản ghi âm, ghi hình được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ thực hiện theo thỏa thuận của chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình đó. Trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện phân chia theo tỷ lệ như sau: Chủ sở hữu quyền tác giả hưởng 50%, người biểu diễn hưởng 25%, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình hưởng 25% trên tổng số tiền bản quyền thu được.	3. Tỷ lệ phân chia tiền bản quyền trong trường hợp bản ghi âm, ghi hình được sử dụng theo quy định tại khoản 1, 3a Điều 26 và khoản 1, 2a Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ thực hiện theo thỏa thuận của chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình đó. Trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện phân chia theo tỷ lệ như sau: Chủ sở hữu quyền tác giả hưởng 50%, người biểu diễn hưởng 25%, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình hưởng 25% trên tổng số tiền bản quyền thu được.	Bổ sung trích dẫn phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).
Điều 35. Trả tiền bản quyền trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan		
1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì phải trả tiền bản quyền theo	1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng, tái phát sóng, truyền đạt đến công chúng chương trình phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3a Điều 26 và điểm a khoản 1, khoản 2a Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt	Bổ sung trích dẫn phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của pháp luật.	được thỏa thuận thì phải trả tiền bản quyền theo biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của pháp luật.	
2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo và không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này.	2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng, tái phát sóng, truyền đạt đến công chúng chương trình phát sóng không có tài trợ, quảng cáo và không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3a Điều 26 và điểm a khoản 1, khoản 2a Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này.	Bổ sung trích dẫn phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).
3. Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này lấy một năm dương lịch làm thời gian quyết toán việc trả tiền bản quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày hết năm tài chính mà tổ chức phát sóng không trả tiền bản quyền theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này thì phải dừng việc tiếp tục sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình. Quy định tại khoản này không áp dụng trong trường hợp các bên có thỏa thuận khác.	3. Tổ chức phát sóng, đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này lấy một năm dương lịch làm thời gian quyết toán việc trả tiền bản quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày hết năm tài chính mà tổ chức phát sóng, đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình không trả tiền bản quyền theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này thì phải dừng việc tiếp tục sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình. Quy định tại khoản này không áp dụng trong trường hợp các bên có thỏa thuận khác.	Bổ sung trích dẫn phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).
Điều 36. Khai thác, sử dụng quyền dịch các tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục		

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
đích thương mại		
2. Trình tự, hình thức thực hiện:		
a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới ơ quan chuyên môn tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Bổ sung quy định cách thức nộp hồ sơ TTHC, phù hợp với chủ trương về cải cách TTHC theo: Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
3. Thành phần hồ sơ bao gồm:		
đ) Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản);	đ) Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản);	Đơn giản hóa TTHC Phù hợp với Luật phí, lệ phí
Điều 37. Khai thác, sử dụng quyền sao chép để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại		
3. Trình tự, hình thức thực hiện:		
a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu sao chép tác phẩm đã được phân phối hoặc truyền đạt đến công chúng một cách hợp pháp để giảng	a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu sao chép tác phẩm đã được phân phối hoặc truyền đạt đến công chúng một cách hợp pháp để giảng dạy, nghiên	Bổ sung quy định cách thức nộp hồ sơ TTHC, phù hợp với chủ trương về cải cách TTHC theo:

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	cứu không nhằm mục đích thương mại nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới ơ quan chuyên môn tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ;	Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
4. Thành phần hồ sơ bao gồm:		
đ) Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản);	đ) Bản sao chứng từ nộp chi phí thực hiện chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại (trường hợp nộp chi phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản);	Đơn giản hóa TTHC Phù hợp với Luật phí, lệ phí
	Mục 3 SỬ DỤNG VĂN BẢN VÀ DỮ LIỆU LÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	Bổ sung Mục 3 Chương III để quy định chi tiết khoản 5 Điều 7 Luật SHTT sửa đổi 2025 trong trường hợp văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan: “5. Tổ chức, cá nhân được sử dụng văn bản và dữ liệu về đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đã được công bố hợp pháp và công chúng được phép tiếp cận để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo, với điều kiện việc sử dụng này không ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
		<i>Đối với văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan, việc sử dụng văn bản và dữ liệu theo quy định tại khoản này còn phải thực hiện theo quy định của Chính phủ.”</i> Quy định được thiết kế theo hướng khuyến khích việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời không triệt tiêu động lực sáng tạo của con người và phù hợp với phạm vi Chính phủ quy định tại khoản 5 Điều 7, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, trên cơ sở tham khảo quy định của Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ.
	Điều 37a. Điều kiện sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ 1. Văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan được sử dụng theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ phải thỏa mãn: a) Được công bố hợp pháp phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Nghị định này; b) Được tiếp cận thông qua hành vi hợp pháp, không bị giới hạn sử dụng theo Điều 37b của Nghị định này và không được thu thập từ nguồn bất hợp pháp. 2. Việc sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, đối tượng quyền liên quan theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Việc sử dụng chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa	- Nguồn gốc văn bản, dữ liệu phải là từ các nguồn đã công bố, được phép tiếp cận hoặc có bản quyền hợp pháp. Điều này ngăn chặn hành vi "đánh cắp dữ liệu" (data piracy) hoặc tiếp cận các kho dữ liệu lậu để huấn luyện AI.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	học, thử nghiệm, huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo và không nhằm mục đích thương mại; b) Việc sử dụng không được mâu thuẫn với việc khai thác bình thường văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; c) Kết quả đầu ra của hệ thống trí tuệ nhân tạo không nhằm mục đích thay thế thị trường tiêu thụ hoặc khai thác bình thường đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, không tạo ra việc cạnh tranh không lành mạnh đối với việc khai thác, sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan.	- Thể hiện đầy đủ phép thử thứ 2 và 3 trong phép thử 3 bước đã được quy định tại các điều ước, cam kết quốc tế. Giữ vai trò là "van an toàn" để điều chỉnh các hành vi lạm dụng công nghệ gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền. - Khai thác dữ liệu (TDM) chỉ được coi là hợp lý khi tạo ra một "mục đích sử dụng mới" (transformative use) khác biệt hoàn toàn với giá trị thương mại ban đầu của tác phẩm. Nếu sản phẩm AI đầu ra có thể thay thế việc người dùng phải mua hoặc thuê tác phẩm gốc, hành vi đó không được hưởng ngoại lệ. Mục đích bảo vệ lợi ích kinh tế: Đảm bảo AI là công cụ sáng tạo bổ trợ, không phải là công cụ "kỳ sinh" triệt tiêu doanh thu của tác giả.
	Điều 37b. Quyền bảo lưu của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan Tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có quyền bảo lưu quyền tác giả, quyền liên quan của mình, không cho phép văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của mình được sử dụng theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ. Việc bảo lưu phải được tuyên bố rõ ràng và thể hiện dưới dạng văn bản điều khoản sử dụng hoặc các biện pháp kỹ thuật máy đọc được, là một phần không thể tách rời khỏi bản gốc, bản sao đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, bảo đảm tổ chức, cá nhân sử dụng có thể	Khẳng định quyền tự quyết của tác giả đối với tài sản số của mình. Khi tác giả đã sử dụng các giao thức máy đọc (như robots.txt) hoặc điều khoản sử dụng để thông báo "không cho phép huấn luyện AI", doanh nghiệp buộc phải loại bỏ dữ liệu đó khỏi quy trình huấn luyện. Tạo ra cơ chế đối thoại kỹ thuật minh bạch giữa người sáng tạo và các công ty công nghệ.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	nhận biết một cách hợp lý, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.	
	Điều 37c. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng 1. Tổ chức, cá nhân sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ và các điều 37a, 37b của Nghị định này có trách nhiệm: a) Áp dụng các biện pháp hợp lý để ngăn chặn việc kết quả đầu ra của hệ thống trí tuệ nhân tạo gây xuyên tạc, sửa đổi, cắt xén đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả, người biểu diễn theo quy định; b) Lưu giữ hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện, dữ liệu sử dụng theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và sẵn sàng cung cấp thông tin khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, giải quyết tranh chấp, xử lý hành vi vi phạm pháp luật có liên quan; c) Tôn trọng quyền bảo lưu của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại Điều 37b của Nghị định này. 2. Tổ chức, cá nhân sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan để huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mục đích thương mại, phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo ra thị trường phải thực hiện khoản 1 Điều này và phải thực hiện các nghĩa vụ tương ứng với tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan theo quy định tại các điều	Luật Trí tuệ nhân tạo 2025: Điều 11. Trách nhiệm minh bạch 1. Nhà cung cấp bảo đảm hệ thống trí tuệ nhân tạo tương tác trực tiếp với con người được thiết kế và vận hành để người sử dụng nhận biết khi đang tương tác với hệ thống, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Nhà cung cấp bảo đảm các nội dung âm thanh, hình ảnh, video do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra được đánh dấu ở định dạng máy đọc theo quy định của Chính phủ. 3. Bên triển khai có trách nhiệm thông báo rõ ràng khi cung cấp ra công cộng văn bản, âm thanh, hình ảnh, video được tạo ra hoặc chỉnh sửa bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo nếu nội dung đó có khả năng gây nhầm lẫn về tính xác thực của sự kiện, nhân vật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 4. Bên triển khai có trách nhiệm bảo đảm âm thanh, hình ảnh, video được tạo ra hoặc chỉnh sửa bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mô phỏng, giả lập ngoại hình, giọng nói của người thật hoặc tái hiện sự kiện thực tế phải được gắn nhãn để nhận biết để phân biệt với nội dung thật. Đối với sản phẩm là tác phẩm điện ảnh, nghệ thuật hoặc sáng tạo, việc gắn nhãn quy định tại khoản này được thực hiện theo

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	19, 20, 29, 30, 31 của Luật Sở hữu trí tuệ.	phương thức phù hợp, bảo đảm không làm cản trở việc hiển thị, trình diễn hoặc thưởng thức tác phẩm. 5. Nhà cung cấp và bên triển khai có trách nhiệm duy trì thông tin minh bạch theo quy định tại Điều này trong suốt quá trình cung cấp hệ thống, sản phẩm hoặc nội dung cho người sử dụng. 6. Chính phủ quy định chi tiết hình thức thông báo, gắn nhãn. Điều 28. Thanh tra, kiểm tra 3. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ kỹ thuật, nhật ký lưu vết, dữ liệu huấn luyện và thông tin cần thiết khác để xác định nguyên nhân vi phạm, sự cố hoặc phân định trách nhiệm; việc cung cấp thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ. - Quy định trách nhiệm của bên vận hành AI trong việc kiểm soát đầu ra (Output). Ngăn chặn việc AI tạo ra các nội dung cắt xén, xuyên tạc làm sai lệch thông điệp hoặc gây tổn hại đến hình ảnh cá nhân của tác giả gốc. Căn cứ Khoản 4 Điều 19 Luật SHTT: Bảo vệ quyền nhân thân của tác giả vốn là quyền không thể chuyển nhượng, kể cả trong kỷ nguyên số. - Bảo vệ quyền tự quyết: Cụ thể hóa quyền của tác giả đối với tài sản số. Nếu tác giả đã

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
		"khóa" bằng kỹ thuật hoặc tuyên bố từ chối, hành vi cố tình cào dữ liệu (scraping) sẽ bị coi là xâm phạm.
Chương IV ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		Quy định chi tiết khoản 5 Điều 49 Luật SHTT sửa đổi 2025: “5. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục và thời hạn cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.”
Điều 38. Nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan		
1. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam.	1. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan trực tiếp có thể tự mình hoặc thông qua ủy quyền cho đại diện hợp pháp tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan.	Quy định chi tiết khoản 1 Điều 50 Luật SHTT sửa đổi 2025: “1. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể tự mình hoặc ủy quyền cho đại diện hợp pháp nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Chính phủ.”
2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài không có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan trực tiếp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 hoặc thông qua ủy quyền cho tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam.	2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài không có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan trực tiếp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 hoặc thông qua ủy quyền cho tổ chức tư vấn, dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam.	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật sửa đổi SHTT 2025 (điểm d, e khoản 71 Điều 1).

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
3. Đại diện hợp pháp quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:	Giữ nguyên	
a) Trường hợp cá nhân đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan: Người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan theo ủy quyền của cá nhân;	a) Trường hợp cá nhân đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan: Người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của cá nhân; tổ chức tư vấn , dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan theo ủy quyền của cá nhân;	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật sửa đổi SHTT 2025 (điểm d, e khoản 71 Điều 1).
b) Trường hợp tổ chức đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan: Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người thuộc tổ chức được người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền; tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan theo ủy quyền của tổ chức; người đứng đầu trụ sở, văn phòng đại diện hoặc đứng đầu chi nhánh tại Việt Nam nếu là tổ chức nước ngoài.	b) Trường hợp tổ chức đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan: Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người thuộc tổ chức được người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền; tổ chức tư vấn , dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan theo ủy quyền của tổ chức; người đứng đầu trụ sở, văn phòng đại diện hoặc đứng đầu chi nhánh tại Việt Nam nếu là tổ chức nước ngoài.	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật sửa đổi SHTT 2025 (điểm d, e khoản 71 Điều 1).
5. Thủ tục cấp, cấp lại và cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:	Giữ nguyên	
b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ;	b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 01 tháng 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 13	Theo Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL (Quyết định số 1616/QĐ-TTg) Nội dung này đang đồng thời được sửa tại dự thảo Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;	
6. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan thông qua ủy quyền thì thành phần hồ sơ phải bao gồm văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải ghi cụ thể thông tin liên hệ của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.	6. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan thông qua ủy quyền thì thành phần hồ sơ phải bao gồm văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải ghi cụ thể thông tin liên hệ của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền đều là cá nhân hoặc tổ chức không có tư cách pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.	Đơn giản hoá TTHC, thu hẹp trường hợp cần chứng thực văn bản ủy quyền. Theo Điều 101 Bộ luật Dân sự
7. Tài liệu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng ngôn ngữ khác thì phải được dịch ra tiếng Việt (có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự); phải được đánh máy hoặc in bằng loại mực khó phai mờ, rõ ràng, sạch sẽ, không tẩy xóa, không sửa chữa; trường hợp phát hiện có sai sót không đáng kể thuộc về lỗi chính tả trong tài liệu đã nộp thì cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ có thể sửa chữa các lỗi đó, nhưng tại chỗ bị sửa chữa phải có chữ ký xác nhận (và đóng dấu, nếu có) của cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ.	7. Tài liệu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng ngôn ngữ khác thì phải được dịch ra tiếng Việt (có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự). Tài liệu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan phải được đánh máy hoặc in bằng loại mực khó phai mờ, rõ ràng, sạch sẽ, không tẩy xóa, không sửa chữa; trường hợp phát hiện có sai sót không đáng kể thuộc về lỗi chính tả trong tài liệu đã nộp thì cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ có thể sửa chữa các lỗi đó, nhưng tại chỗ bị sửa chữa phải có chữ ký xác nhận (và đóng dấu, nếu có) của cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ.	Phù hợp với khoản 3 Điều 50 Luật SHTT.
8. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan được nộp theo cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ	8. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan được nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	Sửa đổi kỹ thuật, quy định cách thức nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến đầu

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
công trực tuyến cho cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	hoặc theo cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan chuyên môn tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	tiên.
Điều 39. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan		
1. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:	1. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm: theo quy định tại Điều 39a của Nghị định này.	Chuyển quy định về các thành phần hồ sơ thực hiện cấp giấy chứng nhận thành Điều 39a để phù hợp kỹ thuật soạn thảo.
2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan và trả hồ sơ, thông báo bằng văn bản trong các trường hợp sau:		
c) Phát hiện tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đang có tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và chưa có quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án hoặc Trọng tài;	e) Phát hiện tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đang có tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và chưa có quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án hoặc Trọng tài;	Tách điểm c thành một khoản riêng. Trong trường hợp này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ tạm dừng thụ lý hồ sơ.
	2a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc tạm dừng xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi có văn bản thụ lý vụ việc tranh chấp của Tòa án, Trọng tài hoặc	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	văn bản thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo của cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn tạm dừng cho đến khi có quyết định hoặc phán quyết có hiệu lực thi hành.	
Điều 39. 1.	Điều 39a. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan	Tách khoản 1 Điều 39 thành Điều 39a để quy định cho cụ thể, phù hợp kỹ thuật soạn thảo văn bản.
a) Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.	1. Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.	
b) 02 bản sao tác phẩm (bao gồm cả bản điện tử) hoặc 02 bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.	2. 02 bản sao tác phẩm (bao gồm cả bản điện tử) hoặc 02 bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.	Việc nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công đã phù hợp với yêu cầu bản sao điện tử.
c) Văn bản ủy quyền nếu người nộp hồ sơ là người được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của Nghị định này.	3. Văn bản ủy quyền nếu người nộp hồ sơ là người được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của Nghị định này.	
d) Tài liệu chứng minh là chủ sở hữu quyền: Tài liệu chứng minh nhân thân đối với cá nhân: 01 bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý đối với tổ chức: 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định thành lập; Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo là quyết định giao nhiệm vụ	4. Tài liệu chứng minh là chủ sở hữu quyền: a) Tài liệu chứng minh nhân thân đối với cá nhân: 01 bản sao Chứng minh nhân dân Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, trừ trường hợp đã có dữ liệu trên Ứng dụng định danh quốc gia (VneID); b) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý đối với tổ chức: 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định thành lập, trừ trường hợp đã có dữ liệu trên Ứng	Luật Căn cước, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. Nội dung này đang đồng thời được sửa tại dự thảo Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
hoặc xác nhận giao nhiệm vụ cho cá nhân thuộc đơn vị, tổ chức đó; Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao kết hợp đồng sáng tạo là hợp đồng, thể lệ, quy chế tổ chức cuộc thi; Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được thừa kế là văn bản xác định quyền thừa kế có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được chuyển giao quyền là hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, mua bán, góp vốn bằng văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; Trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả phải có văn bản cam đoan về việc tự sáng tạo và sáng tạo theo quyết định hoặc xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan. Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo, giao kết hợp đồng sáng tạo quy định tại khoản này phải là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực;	dụng định danh quốc gia (VneID); c) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo là quyết định giao nhiệm vụ hoặc xác nhận giao nhiệm vụ cho cá nhân thuộc đơn vị, tổ chức đó; d) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao kết hợp đồng sáng tạo là hợp đồng, thể lệ, quy chế tổ chức cuộc thi; đ) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được thừa kế là văn bản xác định quyền thừa kế có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; e) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được chuyển giao quyền là hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, mua bán, góp vốn bằng văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; g) Trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả phải có văn bản cam đoan về việc tự sáng tạo, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam và sáng tạo theo quyết định hoặc xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân định hình, thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng không đồng thời là chủ sở hữu quyền liên quan phải có văn bản cam đoan về việc tự định hình, thực hiện, không gây phương hại đến quyền tác giả, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam và định hình, thực hiện theo quyết định hoặc xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan; h) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo, giao kết hợp đồng sáng tạo quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản này phải là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực.	
đ) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả;	5. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả, trừ trường hợp tất cả các đồng tác giả cùng ký tên trên tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.	Trường hợp đồng tác giả đồng thời là đồng chủ sở hữu quyền tác giả: không cần văn bản đồng ý của các đồng tác giả trong trường hợp tất cả các tác giả cùng ký tờ khai
e) Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả, quyền liên quan thuộc sở hữu chung;	6. Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả, quyền liên quan thuộc sở hữu chung, trừ trường hợp tất cả các đồng chủ sở hữu cùng ký tên trên tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.	Trường hợp đồng chủ sở hữu quyền tác giả: không cần văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu trong trường hợp tất cả các đồng chủ sở hữu ký đóng dấu tờ khai
g) Trường hợp trong tác phẩm có sử dụng hình ảnh cá nhân của người khác thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó theo quy định của pháp luật.	7. Trường hợp trong tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có sử dụng hình ảnh, thông tin cá nhân của người khác hoặc sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan của người khác thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.	Bổ sung quyền liên quan và một số trường hợp khác về nội dung của đối tượng đăng ký.
Điều 40. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan		
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối cấp lại và trả hồ sơ, thông báo bằng văn bản trong các trường hợp sau:		
c) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.	c) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, e và d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.	Tương ứng với sửa đổi tại Điều 39

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	3a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo tạm dừng theo trường hợp quy định tại khoản 2a Điều 39 của Nghị định này.	
Điều 41. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan		
1. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi có thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thông tin về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.	1. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi có thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thông tin về của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.	Sửa đổi phù hợp với khoản 1a Điều 55 Luật SHTT sửa đổi 2025.
2. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bao gồm:		
	đ) Tài liệu chứng minh về việc thay đổi trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thay đổi thông tin của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;	Bổ sung thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp đổi cho phù hợp.
	e) Văn bản đồng ý của tác giả trong trường hợp thay đổi tên tác phẩm, trừ trường hợp đã chuyển sử dụng quyền đặt tên theo quy định tại khoản Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ.	Quyền đặt tên tác phẩm là quyền nhân thân quy định tại khoản 1 Điều 19 của LSHTT.
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối cấp đổi và trả hồ sơ, thông báo bằng văn bản trong các trường hợp sau:		

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
b) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.	b) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.	Tương ứng với sửa đổi tại Điều 39
	3a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo tạm dừng theo trường hợp quy định tại khoản 2a Điều 39 của Nghị định này.	
Điều 42. Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan		
2. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan thực hiện theo thủ tục như sau:	Giữ nguyên	
b) Thành phần hồ sơ đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bao gồm:	Giữ nguyên	
Đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo Mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);	Đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo Mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) (theo mẫu) ;	Bãi bỏ Mẫu số 06 để quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ VHTTDL về các mẫu văn bản trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.
Điều 43. Yêu cầu về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan		
	3a. Tác phẩm có nội dung liên quan tới y khoa, giáo dục và các lĩnh vực chuyên ngành, đặc thù khác cần có văn bản, giấy tờ xác nhận, thẩm định,	Chuyển từ điểm c khoản 6 Điều này.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.	
4. Tác phẩm điện ảnh phải bao gồm kịch bản văn học là sản phẩm sáng tạo của biên kịch dưới dạng văn bản thể hiện toàn bộ diễn biến của câu chuyện phim; kịch bản phân cảnh là sản phẩm sáng tạo của đạo diễn dưới dạng văn bản thể hiện kỹ thuật chuyên môn và phương pháp thực hiện các cảnh quay của bộ phim dựa trên kịch bản văn học.	4. Tác phẩm điện ảnh phải bao gồm kịch bản văn học là sản phẩm sáng tạo của biên kịch dưới dạng văn bản thể hiện toàn bộ diễn biến của câu chuyện phim; hoặc kịch bản phân cảnh là sản phẩm sáng tạo của đạo diễn dưới dạng văn bản thể hiện kỹ thuật chuyên môn và phương pháp thực hiện các cảnh quay của bộ phim dựa trên kịch bản văn học.	Phù hợp với thực tiễn sáng tạo, sản xuất tác phẩm điện ảnh (các đạo diễn phản ánh). Đơn giản hóa TTHC
6. Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:	6. Tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:	
a) Bản sao tác phẩm phải được thể hiện rõ ràng trên khổ giấy A4 thể hiện đúng bố cục, đường nét, màu sắc, hình khối của toàn bộ tác phẩm;		
b) Trường hợp tác phẩm có chứa các chữ, từ ngữ không phải là tiếng Việt thì phải ghi rõ cách phát âm (phiên âm ra tiếng Việt) và nếu các chữ, từ ngữ đó có nghĩa thì phải dịch ra tiếng Việt; có chứa chữ số không phải là chữ số Ả-rập hoặc chữ số La-mã thì phải dịch ra chữ số Ả-rập;	b) Trường hợp tác phẩm có chứa các chữ, từ ngữ không phải là tiếng Việt thì phải ghi rõ cách phát âm (phiên âm ra tiếng Việt) là từ ngữ không có nghĩa tiếng Việt và nếu các chữ, từ ngữ đó có nghĩa thì phải dịch ra tiếng Việt; có chứa chữ số không phải là chữ số Ả-rập hoặc chữ số La-mã thì phải dịch ra chữ số Ả-rập.	
c) Tác phẩm có nội dung liên quan tới y khoa, giáo dục và các lĩnh vực chuyên ngành, đặc thù khác cần có văn bản, giấy tờ xác nhận, thẩm định, phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.	e) Tác phẩm có nội dung liên quan tới y khoa, giáo dục và các lĩnh vực chuyên ngành, đặc thù khác cần có văn bản, giấy tờ xác nhận, thẩm định, phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.	Chuyển thành khoản 3a Điều này để có thể áp dụng chung với các loại hình tác phẩm khác.
9. Chương trình máy tính: Bản sao chương trình máy tính bao gồm đĩa CD có chứa chương trình máy tính đó (1 mặt đĩa CD dán giấy trắng ghi tên chương trình máy tính) và bản in trên khổ giấy	9. Chương trình máy tính phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Bản sao chương trình máy tính bao gồm đĩa CD	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ yêu cầu đối với tác phẩm đăng ký là chương trình máy tính, phù hợp với thực tiễn hiện hành.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
A4 chứa toàn bộ giao diện và mã code của chương trình máy tính đó. Trường hợp bản in phần mã code chương trình máy tính nêu trên có từ 100 trang trở lên thì in 25 trang đầu, 25 trang giữa và 25 trang cuối của phần mã code.	eó chứa chương trình máy tính đó (1 mặt đĩa CD dán giấy trắng ghi tên chương trình máy tính) bản điện tử chứa code, giao diện của chương trình máy tính có thể cài đặt để chạy được chương trình và bản in trên khổ giấy A4 chứa toàn bộ giao diện và mã code của chương trình máy tính đó. Trường hợp bản in phần mã code chương trình máy tính nêu trên có từ 100 trang trở lên thì in 25 trang đầu, 25 trang giữa và 25 trang cuối của phần mã code; b) Đối với chương trình máy tính là phần mềm trò chơi thì phải có kịch bản trò chơi.	
Chương V TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN TẬP THỂ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, DỊCH VỤ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN	Chương V TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ TẬP THỂ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN	Thay thế tên tổ chức theo Luật SHTT sửa đổi 2025 (điểm d, đ, e khoản 71 Điều 1). Thay tương ứng tại các điều thuộc Chương này.
Điều 46. Biểu mức tiền bản quyền		
4. Chi phí xem xét, phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do bên đề nghị phê duyệt chi trả theo quy định của pháp luật.	4. Chi phí xem xét, phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do bên đề nghị phê duyệt chi trả theo quy định của pháp luật.	Đơn giản hóa TTHC Phù hợp với Luật phí, lệ phí. Nội dung này đang đồng thời được sửa tại dự thảo Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL.
Điều 55. Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan	Điều 55. Tổ chức tư vấn, dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan	Quy định chi tiết khoản 3 Điều 57 Luật SHTT sửa đổi 2025: “3. Chính phủ quy định chi tiết loại hình và điều kiện hoạt động của tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan.”
1. Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:	1. Tổ chức tư vấn , dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
c) Đơn vị sự nghiệp;	c) Đơn vị sự nghiệp công lập ;	Phù hợp với Luật SHTT, Luật Viên chức
3. Ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan được thực hiện như sau:	3. Ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan được thực hiện như sau:	Bỏ khoản này theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL (Quyết định 1616/QĐ-TTg) Nội dung này đang đồng thời được sửa tại dự thảo Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL.
a) Tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 2 Điều này được cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi nhận là tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu của tổ chức đó sau khi được xem xét chấp thuận yêu cầu ghi nhận. Chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác của các tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ chỉ được kinh doanh hoạt động tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan dưới danh nghĩa của tổ chức mà mình phụ thuộc.	a) Tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 2 Điều này được cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi nhận là tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu của tổ chức đó sau khi được xem xét chấp thuận yêu cầu ghi nhận. Chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác của các tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ chỉ được kinh doanh hoạt động tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan dưới danh nghĩa của tổ chức mà mình phụ thuộc.	
b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
c) Hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan vào Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan phải do tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Sở hữu trí tuệ đứng tên, bao gồm: Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 08 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này); Danh sách cá nhân thuộc tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan kèm theo bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân; Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu tổ chức có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật của người đứng đầu tổ chức và các cá nhân hoạt động tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức.	c) Hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan vào Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan phải do tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Sở hữu trí tuệ đứng tên, bao gồm: Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 08 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này); Danh sách cá nhân thuộc tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan kèm theo bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân; Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu tổ chức có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật của người đứng đầu tổ chức và các cá nhân hoạt động tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức.	
d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành việc xem xét hồ sơ, ban hành văn bản trả lời tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan về việc ghi nhận hoặc từ chối ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan	d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành việc xem xét hồ sơ, ban hành văn bản trả lời tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan về việc ghi nhận hoặc từ chối ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.	quyền liên quan.	
4. Xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan được thực hiện như sau:	4. Xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan được thực hiện như sau:	Bỏ khoản này theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL (Quyết định 1616/QĐ-TTg) Nội dung này đang đồng thời được sửa tại dự thảo Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Bộ VHTTDL.
a) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan và việc xóa tên được công bố trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp sau đây: Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan từ bỏ, chấm dứt kinh doanh tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan; Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 2 Điều này;	a) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan và việc xóa tên được công bố trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp sau đây: Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan từ bỏ, chấm dứt kinh doanh tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan; Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 2 Điều này;	
b) Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan nếu có đủ căn cứ khẳng định tổ chức không còn đủ điều kiện kinh doanh tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan;	b) Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan nếu có đủ căn cứ khẳng định tổ chức không còn đủ điều kiện kinh doanh tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan;	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
c) Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan phải làm thủ tục yêu cầu cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này;	c) Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan phải làm thủ tục yêu cầu cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này;	
d) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	d) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	
đ) Hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan gồm: Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong đó có nêu rõ lý do xóa tên (theo Mẫu số 08 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) hoặc kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến yêu cầu xóa tên;	đ) Hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan gồm: Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan trong đó có nêu rõ lý do xóa tên (theo Mẫu số 08 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) hoặc kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến yêu cầu xóa tên;	
e) Thủ tục xử lý hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan được cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trình tự tương tự như thủ tục Ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.	e) Thủ tục xử lý hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan được cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trình tự tương tự như thủ tục Ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.	
5. Trường hợp có thay đổi liên quan đến thông tin của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả,	5. Trường hợp có thay đổi liên quan đến thông tin của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
quyền liên quan, tổ chức này phải gửi văn bản thông báo về nội dung thay đổi đến cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	quan, tổ chức này phải gửi văn bản thông báo về nội dung thay đổi đến cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
6. Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập danh sách các tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan của cơ quan này.	6. Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập danh sách các tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan của cơ quan này. 3. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về các tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan.	Phù hợp với Luật Dữ liệu 2024 và Điều 11b Luật SHTT sửa đổi 2025
Chương VI BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Mục 1 TỰ BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Mục 2 TRANH CHẤP VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN XÁC ĐỊNH HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Mục 3		

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 71. Thiệt hại về tài sản		
2. Giá trị tính được thành tiền của đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo một hoặc các căn cứ sau đây:		
a) Giá chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan;	a) Giá chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc giá chuyển giao -quyền sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan. Đối với giá trị hàng hóa về quyền tác giả, quyền liên quan thì thực hiện theo Điều 81 của Nghị định này;	Bổ sung quy định để dẫn chiếu về các căn cứ xác định giá trị hàng hóa về quyền tác giả, quyền liên quan (tương ứng với căn cứ xác định giá trị hàng hóa xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan).
Mục 4 YÊU CẦU VÀ GIẢI QUYẾT YÊU CẦU XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Mục 5 XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 84. Buộc tiêu hủy		
Biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa sao chép lậu, hàng hóa xâm phạm, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa đó được áp dụng trong trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện để áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại quy định tại Điều 83 của Nghị định này.	1. Đối với hàng hóa sao chép lậu, tòa án quyết định áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa sao chép lậu theo yêu cầu của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan mà không được bồi hoàn dưới bất kỳ hình thức nào, trừ các trường hợp sau đây: a) Hàng hóa đã loại bỏ yếu tố xâm phạm, là hàng hóa thiết yếu phục vụ mục đích nhân đạo, y tế,	Điều 18.74 CPTPP, khoản 12: “12. Mỗi Bên phải quy định trong thủ tục tố tụng dân sự: (a) ít nhất đối với hàng sao lậu quyền tác giả và hàng giả mạo nhãn hiệu, cơ quan tư pháp có thẩm quyền, theo đề nghị của chủ thể quyền, buộc hàng hoá xâm phạm phải bị tiêu hủy, trừ trường hợp ngoại lệ, mà không được

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc lợi ích công cộng; b) Hàng hóa đã loại bỏ yếu tố xâm phạm và việc tiêu hủy hàng hóa gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng, an sinh xã hội hoặc môi trường. 2. Trong trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này, tòa án có thể quyết định áp dụng biện pháp xử lý thay thế phù hợp. Nếu biện pháp xử lý thay thế là buộc đưa hàng hóa vào phân phối, sử dụng thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 83 của Nghị định này. 3. Biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa sao chép lậu, hàng hóa xâm phạm (không bao gồm hàng hóa sao chép lậu), nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa đó xâm phạm được áp dụng trong trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện để áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại quy định tại Điều 83 của Nghị định này.	<i>đền bù dưới bất kỳ hình thức nào;”</i> Quy định chi tiết khoản 6 Điều 202 Luật SHTT sửa đổi 2025.
Điều 85. Tịch thu	Điều 85. Tịch thu	
Biện pháp tịch thu hàng hóa sao chép lậu, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa đó thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Biện pháp tịch thu hàng hóa sao chép lậu, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa đó thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Bỏ Điều này để thực hiện thống nhất theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính. (Theo đó, tịch thu là một hình thức xử phạt bổ sung).
Mục 6 KIỂM SOÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN		

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 87. Cơ quan hải quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn		
Cơ quan hải quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hoặc tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Hải quan.	Cơ quan hải quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hoặc tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Hải quan của pháp luật về hải quan.	Thực hiện thống nhất theo Luật Hải quan
Điều 88. Thủ tục xử lý đơn		
1. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Hải quan hoặc trong thời hạn 02 giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận được đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan và đủ các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật Hải quan, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đơn, nếu người nộp đơn đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 217 của Luật Sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp từ chối, cơ quan hải quan phải trả lời bằng văn bản cho người nộp đơn và nêu rõ lý do.	1. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Hải quan hoặc trong thời hạn 02 giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận được đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan và đủ các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật Hải quan, Cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đơn trong thời hạn quy định , nếu người nộp đơn đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 217 của Luật Sở hữu trí tuệ và nộp đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật về hải quan. Trong trường hợp từ chối, cơ quan hải quan phải trả lời bằng văn bản cho người nộp đơn và nêu rõ lý do.	Thực hiện thống nhất theo Luật Hải quan
2. Trên cơ sở Tổng cục Hải quan thông báo chấp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Cục hải quan tỉnh, thành phố, Cục Điều tra chống buôn lậu tra cứu dữ liệu trên hệ thống để tổ chức triển khai việc kiểm tra, giám sát trong phạm vi địa bàn quản lý.	2. Trên cơ sở Tổng cục Hải quan thông báo chấp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Cục hải quan tỉnh, thành phố Các Chi cục Hải quan khu vực, Chi cục Điều tra chống buôn lậu tra cứu dữ liệu trên hệ thống để tổ chức triển khai việc kiểm tra, giám sát trong phạm vi địa bàn quản lý.	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
3. Chi cục Hải quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan trên cơ sở đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 89 của Nghị định này.	3. Chi cục Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan trên cơ sở đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 89 của Nghị định này.	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.
Điều 89. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan		
1. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát và kiểm soát, nếu phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng hóa sao chép lậu, Chi cục Hải quan chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đó.	1. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát và kiểm soát, nếu phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng hóa sao chép lậu, Chi cục cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đó.	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.
2. Chi cục Hải quan phải ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan và thông báo ngay cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan nếu có thông tin liên hệ và cho người nhập khẩu hoặc người xuất khẩu về việc tạm dừng này.	2. Chi cục Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan phải ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan và thông báo ngay cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan nếu có thông tin liên hệ và cho người nhập khẩu hoặc người xuất khẩu về việc tạm dừng này.	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.
3. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày làm việc kể từ ngày Chi cục Hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan.	3. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày làm việc kể từ ngày Chi cục cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan.	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.
4. Trong thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan, Chi cục Hải quan quyết định tạm dừng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:	4. Trong thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan, Chi cục cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quyết định tạm dừng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
d) Báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để chỉ đạo giải quyết kịp thời đối với những vụ việc phức tạp.	d) Báo cáo Chi cục Hải quan tỉnh, thành phố khuvực và Tổng Cục Hải quan để chỉ đạo giải quyết kịp thời đối với những vụ việc phức tạp.	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.
6. Trường hợp cơ quan hải quan chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng, gây thiệt hại cho chủ hàng, Chi cục hải quan phải bồi thường thiệt hại cho chủ hàng và thanh toán các chi phí phát sinh theo quy định.	6. Trường hợp cơ quan hải quan chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng, gây thiệt hại cho chủ hàng, Chi cục cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng phải bồi thường thiệt hại cho chủ hàng và thanh toán các chi phí phát sinh theo quy định.	Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan.
Mục 7 GIÁM ĐỊNH VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 97. Kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan	Điều 97. Kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan	Bỏ Điều này do khoản 3 Điều 201 LSHTT đã bỏ quy định về kiểm tra nghiệp vụ giám định (thay bằng khóa đào tạo).
1. Cá nhân yêu cầu cấp Thẻ giám định viên mà chưa có bản kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại Điều 98 của Nghị định này nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệp vụ giám định bao gồm:	1. Cá nhân yêu cầu cấp Thẻ giám định viên mà chưa có bản kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại Điều 98 của Nghị định này nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệp vụ giám định bao gồm:	
a) Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 09 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);	a) Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 09 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);	
b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học;	b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học;	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
c) Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác về quá trình thực tế hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành giám định từ 5 năm liên tục trở lên hoặc từ 15 năm liên tục trở lên đối với đối tượng yêu cầu miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại khoản 5 Điều này;	e) Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác về quá trình thực tế hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành giám định từ 5 năm liên tục trở lên hoặc từ 15 năm liên tục trở lên đối với đối tượng yêu cầu miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại khoản 5 Điều này;	
d) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm;	d) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm;	
đ) Văn bản yêu cầu được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định đối với đối tượng được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại khoản 5 Điều này.	đ) Văn bản yêu cầu được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định đối với đối tượng được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại khoản 5 Điều này.	
2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo về việc chấp nhận hồ sơ, tiến hành thành lập hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định. Trường hợp từ chối chấp nhận hồ sơ thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.	2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo về việc chấp nhận hồ sơ, tiến hành thành lập hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định. Trường hợp từ chối chấp nhận hồ sơ thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.	
3. Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định	3. Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định	
a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thành lập Hội đồng Kiểm tra nghiệp vụ giám định (sau đây gọi là Hội đồng Kiểm tra) trên cơ sở đề nghị của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thành lập Hội đồng Kiểm tra nghiệp vụ giám định (sau đây gọi là Hội đồng Kiểm tra) trên cơ sở đề nghị của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
b) Hội đồng Kiểm tra có chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng Kiểm tra phải là số lẻ và có từ 5 thành viên trở lên. Chủ	b) Hội đồng Kiểm tra có chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng Kiểm tra phải là số lẻ và có từ 5 thành viên trở lên. Chủ tịch Hội đồng	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
tịch Hội đồng Kiểm tra là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; thành viên của Hội đồng Kiểm tra bao gồm những người có kinh nghiệm và uy tín về chuyên môn trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan.	Kiểm tra là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; thành viên của Hội đồng Kiểm tra bao gồm những người có kinh nghiệm và uy tín về chuyên môn trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan.	
4. Nội dung kiểm tra nghiệp vụ giám định Nội dung kiểm tra nghiệp vụ giám định bao gồm kiến thức pháp luật và kiến thức chuyên ngành giám định quyền tác giả, quyền liên quan.	4. Nội dung kiểm tra nghiệp vụ giám định Nội dung kiểm tra nghiệp vụ giám định bao gồm kiến thức pháp luật và kiến thức chuyên ngành giám định quyền tác giả, quyền liên quan.	
5. Đối tượng được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định Người đã có ít nhất 15 năm liên tục làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan tại cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định.	5. Đối tượng được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định Người đã có ít nhất 15 năm liên tục làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan tại cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định.	
6. Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định Kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định được thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thực hiện kiểm tra nghiệp vụ giám định, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản xác nhận kết	6. Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định Kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định được thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thực hiện kiểm tra nghiệp vụ giám định, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản xác nhận kết	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản xác nhận kết quả cho người đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định.	quá cho người đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định.	
	Điều 97a. Khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan 1. Mục tiêu của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan: a) Cung cấp kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ cần thiết cho hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan; b) Trang bị và nâng cao năng lực thực hành giám định, bao gồm: lấy mẫu, xử lý, bảo quản mẫu, tiếp nhận, xử lý, bảo quản đối tượng giám định, thu thập, xử lý tài liệu, thông tin phục vụ giám định, sử dụng pháp luật, vận dụng các kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ phù hợp để phục vụ quá trình giám định quyền tác giả, quyền liên quan; c) Hình thành và củng cố nhận thức về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý, tính độc lập, khách quan, trung thực trong hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan. 2. Yêu cầu đối với khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan: a) Khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan được tổ chức thống nhất trong phạm vi cả nước; b) Chương trình đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan có tổng thời lượng tối thiểu là 200 giờ, bảo đảm cân đối giữa lý thuyết và thực hành, cập nhật phù hợp với quy định của pháp	Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 201 Luật SHTT sửa đổi 2025 <i>“3. Cá nhân có đủ các điều kiện sau đây được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ:</i> <i>a) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</i> <i>b) Thường trú tại Việt Nam;</i> <i>c) Có phẩm chất đạo đức tốt;</i> <i>d) Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định;</i> <i>đ) Thuộc một trong các trường hợp sau: đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ từ đủ năm năm trở lên và được chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định sở hữu trí tuệ; trực tiếp tham gia giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ tại Tòa án và tổ chức trọng tài từ đủ mười lăm năm trở lên và thời gian gián đoạn (nếu có) không quá hai năm tính đến thời điểm đề nghị cấp thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ; trực tiếp tham gia hỗ trợ chuyên môn trong công tác giám định về sở hữu trí tuệ tại tổ chức giám định từ đủ mười lăm năm trở lên và thời gian gián đoạn (nếu có) không quá</i>

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	luật hiện hành, thực tiễn quốc tế và phải có nội dung đánh giá kết quả học tập của người tham gia khóa đào tạo. Chương trình khung của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Phụ lục I của Nghị định này; c) Việc đánh giá kết quả học tập phải bao gồm các nội dung về kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, năng lực thực hành và đạo đức nghề nghiệp, bảo đảm tính khách quan, minh bạch. 3. Người được đánh giá là hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan được cơ sở đào tạo quy định tại khoản 4 Điều này cấp chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan. 4. Căn cứ quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Chương trình chi tiết của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan và tổ chức khóa đào tạo theo quy định của pháp luật.	<i>hai năm tính đến thời điểm đề nghị cấp thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ.”</i>
Điều 98. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan		
1. Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về	1. Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản	- Bổ sung quy định cách thức nộp hồ sơ TTHC, phù hợp với chủ trương về cải cách TTHC theo: Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ bao gồm:	lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân thường trú. Hồ sơ bao gồm:	liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. - Phân cấp thực hiện TTHC cấp Thẻ giám định viên cho địa phương, phù hợp chủ trương về tăng cường phân cấp, phân quyền. Thực hiện Công điện số 168/CD-TTg ngày 21/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.
a) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);	Giữ nguyên	
	b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học; c) Giấy xác nhận quá trình công tác theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ (do cơ quan, tổ chức nơi công tác cấp);	Bổ sung thành phần hồ sơ do đã bỏ thủ tục tại Điều 97 về kiểm tra nghiệp vụ giám định. Phù hợp với khoản 3 Điều 201 Luật SHTT.
b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định hoặc văn bản của Hội đồng kiểm tra chấp nhận được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định;	b-d) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Kết quả chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan hoặc văn bản của Hội đồng kiểm tra chấp nhận được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định trong trường hợp đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định viên từ	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	đủ năm năm trở lên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;	
c) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm.	e-đ) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm.	
2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp Thẻ giám định viên. Trường hợp từ chối cấp Thẻ giám định viên thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 11 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.	2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, ơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp Thẻ giám định viên. Trường hợp từ chối cấp Thẻ giám định viên thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 11 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.	
3. Hiệu lực của Thẻ giám định viên: Thẻ giám định viên có hiệu lực kể từ ngày cấp.	Giữ nguyên	
4. Cấp lại Thẻ giám định viên:	Giữ nguyên	
a) Chỉ cấp lại Thẻ giám định viên trong trường hợp Thẻ giám định viên bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Thẻ giám định viên;	Giữ nguyên	
b) Giám định viên có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên nộp Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) và các tài liệu quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều này qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp bị	b) Giám định viên có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên nộp Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) và các tài liệu quy định tại các điểm a và e-đ khoản 1 Điều này trên Cổng dịch vụ công trực tuyến , qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở ơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cơ quan chuyên môn	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
hư hỏng phải nộp lại Thẻ giám định viên bị hư hỏng;	về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã cấp thẻ. Trường hợp bị hư hỏng phải nộp lại Thẻ giám định viên bị hư hỏng;	
c) Thời hạn cấp lại là 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên.	c) Thời hạn cấp lại là 20 ngày 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên.	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
5. Thu hồi Thẻ giám định viên đối với một trong các trường hợp sau đây:	Giữ nguyên	
a) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định tại Điều 93 của Nghị định này;	Giữ nguyên	
b) Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên	
c) Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
6. Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập Danh sách giám định viên theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan này.	6. Cơ quan chuyên môn Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập Danh sách giám định viên theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan này.	
	7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định cấp, cấp lại hoặc thu hồi Thẻ giám định viên, cơ quan chuyên môn về quyền tác giả, quyền liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo	

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
	đến cơ quan quy định tại khoản 7 Điều này về Quyết định cấp, cấp lại hoặc thu hồi để ghi nhận, cập nhật vào Danh sách giám định viên.	
Điều 99. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan		
1. Tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 2 và 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của pháp luật có liên quan yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ bao gồm:	1. Tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 2 và 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của pháp luật có liên quan yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch . Hồ sơ bao gồm:	Bổ sung quy định cách thức nộp hồ sơ TTHC, phù hợp với chủ trương về cải cách TTHC theo: Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
4. Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định		
c) Thời hạn cấp lại là 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định.	c) Thời hạn cấp lại là 20 ngày 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định.	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
Điều 100. Yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan		
1. Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:		
a) Chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan;		
b) Tổ chức, cá nhân bị yêu cầu xử lý về hành vi		

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc bị khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan;		
	b1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;	Bổ sung theo khoản 5 Điều 201 Luật SHTT sửa đổi 2025: “5. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền yêu cầu giám định về sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có quyền yêu cầu giám định về sở hữu trí tuệ khi giải quyết vụ việc mà mình đang thụ lý. Kết luận giám định là một trong các nguồn chứng cứ để cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết vụ việc. Kết luận giám định không kết luận về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc kết luận về vụ tranh chấp.”
c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến vụ tranh chấp, xâm phạm, khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan.		
Mục 8 DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN		
Điều 110. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian		
2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian bao gồm:		
đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội	đ) Doanh nghiệp cung cấp nền tảng số trung gian,	Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 198b

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
trực tuyến;	bao gồm dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử và các nền tảng số trung gian khác;	Luật SHTT sửa đổi 2025. Khoản 5 Điều 3 Luật Chuyển đổi số 2025: “ <i>Nền tảng số là hệ thống thông tin nhằm tạo môi trường số cho phép các bên thực hiện giao dịch hoặc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ.</i> ”
Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
PHỤ LỤC I BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI PHÁT SÓNG TÁC PHẨM, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH TRONG TRƯỜNG HỢP GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN	PHỤ LỤC I BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI PHÁT SÓNG, TÁI PHÁT SÓNG, TRUYỀN ĐẠT ĐẾN CÔNG CHÚNG CHƯƠng TRÌNH PHÁT SÓNG TÁC PHẨM, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH TRONG TRƯỜNG HỢP GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).
I. Tổ chức phát sóng và chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình không đạt được thỏa thuận về việc trả tiền bản quyền theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này thì áp dụng như sau:	I. Tổ chức phát sóng và chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình không đạt được thỏa thuận về việc trả tiền bản quyền theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này Việc trả tiền bản quyền trong trường hợp không đạt được thỏa thuận theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này thì áp dụng như sau:	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).
1. Đối với lĩnh vực phát thanh: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của	1. Đối với lĩnh vực phát thanh: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở quy định	Thay thế cụm từ phù hợp với Luật SHTT sửa đổi 2025 (khoản 10, 11, điểm b khoản 71 Điều 1).

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
mức lương cơ sở quy định như sau:	như sau:	
2. Đối với lĩnh vực truyền hình: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở quy định như sau:	2. Đối với lĩnh vực truyền hình: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở quy định như sau:	
VTV1, VTC1	VTV1, VTC1	Bỏ kênh VTC1 theo thực tế các kênh chương trình truyền hình hiện nay.
PHỤ LỤC III MẪU VĂN BẢN TRONG LĨNH VỰC QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Mẫu số 01 Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan Mẫu số 02 Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 03 Tờ khai đề nghị chấp thuận áp dụng ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả cho người khuyết tật	- Bãi bỏ Mẫu số 01, 06, 08, 09. - Thay thế Mẫu số 02, 04, 05, 10, 11 bằng lần lượt các mẫu số 02, 04, 05, 10, 11 Phụ lục I của Nghị định này.	Rà soát, chỉnh sửa tương ứng với nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ về TTHC tại Nghị định.

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
Mẫu số 04 Tờ khai đề nghị chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại Mẫu số 05 Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại Mẫu số 06 Đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan Mẫu số 07 Tờ khai đề nghị phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền Mẫu số 08 Tờ khai yêu cầu ghi nhận, xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 09 Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 10 Tờ khai yêu cầu cấp, cấp lại thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 11 Mẫu thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 12		

Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (thể hiện dưới dạng hợp nhất vào Nghị định số 17/2023/NĐ-CP)	Thuyết minh
Tờ khai yêu cầu cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 13 Mẫu Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan		

Phụ lục I:

Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN TRONG LĨNH VỰC QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 02	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 04	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 05	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 10	Tờ khai yêu cầu cấp, cấp lại thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 11	Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

Phụ lục II:

Phụ lục II
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CỦA KHÓA ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ

VỀ GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

I. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan có tổng thời lượng tối thiểu là 200 giờ, được cấu trúc gồm 03 phần, cụ thể như sau:

- Phần I: Kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, có tổng thời lượng tối thiểu chiếm 50% thời lượng chương trình, bao gồm các tiết lý thuyết và tiết thảo luận.
- Phần II: Kỹ năng thực hành giám định hoặc học tập thực tế, có tổng thời lượng tối thiểu chiếm 40% thời lượng chương trình.
- Phần III: Các hoạt động hỗ trợ, bao gồm hoạt động kiểm tra, đánh giá, khai giảng, bế giảng và hoạt động khác (nếu có).

II. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức chung

- Hệ thống pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan và giám định quyền tác giả, quyền liên quan; Điều ước, cam kết quốc tế có nội dung về quyền tác giả, quyền liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết, tham gia;
- Nội dung quyền tác giả, quyền liên quan: căn cứ phát sinh, điều kiện được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; Các quyền nhân thân, quyền tài sản đối với tác phẩm, quyền đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; Trường hợp giới hạn, ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan,...;
- Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan: Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; Biện pháp bảo vệ quyền, chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan,...;
- Vai trò, nội dung, nguyên tắc thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Quy trình tiếp nhận yêu cầu giám định, tiếp nhận, xử lý, quản lý và bảo quản mẫu vật, bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tài liệu và thông tin phục vụ giám định; trình tự thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Phương pháp, cách thức thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Giá trị pháp lý của kết luận giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Đạo đức nghề nghiệp, quyền và trách nhiệm pháp lý của giám định viên; vấn đề bảo đảm tính độc lập, khách quan và bảo mật thông tin trong hoạt động giám định.

2. Kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ

- a) Kỹ năng lấy mẫu, xử lý, bảo quản mẫu, tiếp nhận, xử lý, bảo quản đối tượng giám định, thu thập, xử lý tài liệu, thông tin phục vụ giám định:
 - Xác định loại, phạm vi, hình thức và số lượng mẫu, đối tượng, tài liệu, thông tin phục vụ giám định theo yêu cầu giám định;
 - Thực hiện lấy mẫu, lập biên bản, ghi nhận tình trạng, nguồn gốc và thời điểm lấy mẫu theo quy định;
 - Đánh giá độ tin cậy, tính toàn vẹn, tính xác thực của mẫu giám định, đối tượng giám định;
 - Thu thập, phân tích, đánh giá tài liệu, thông tin liên quan phục vụ giám định;
 - Phân loại, xử lý, sao lưu, trích xuất và bảo quản mẫu, đối tượng, tài liệu, thông tin phục vụ giám định, bảo đảm tính toàn vẹn của đối tượng;
 - Theo dõi và ghi nhận quá trình phân tích, xử lý mẫu, đối tượng giám định.

b) Kỹ năng xác định căn cứ phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan:

- Xác định loại hình tác phẩm, đối tượng quyền liên quan và điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp, phần không thuộc phạm vi bảo hộ;
- Xác định thời điểm phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;
- Phân tích căn cứ phát sinh quyền trong các trường hợp sáng tạo độc lập; giao nhiệm vụ; giao kết hợp đồng; thừa kế, kế thừa; chuyển giao, tặng cho hoặc các căn cứ hợp pháp khác;
- Phân tích mối quan hệ giữa tác giả, người biểu diễn và chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;
- Xác định phạm vi quyền và chủ thể quyền làm căn cứ phục vụ hoạt động giám định.

c) Kỹ năng xác định yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan:

- Xác định đối tượng được bảo hộ và phạm vi quyền được bảo hộ theo quy định của pháp luật;
 - Xác định chủ thể thực hiện hành vi và mối quan hệ pháp lý với chủ thể quyền; sự tiếp cận, thời điểm, mục đích tiếp cận đối tượng được bảo hộ của chủ thể thực hiện hành vi;
 - Phân tích hành vi khai thác, sử dụng tác phẩm, đối tượng quyền liên quan về hình thức, phạm vi và mục đích;
 - So sánh giữa đối tượng bị nghi ngờ xâm phạm và đối tượng được bảo hộ (mức độ trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt).
- d) Kỹ năng so sánh và đánh giá sự trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt, sao chép:
- So sánh tổng thể và so sánh từng phần đối với hình thức thể hiện của tác phẩm, đối tượng quyền liên quan;
 - Đánh giá mức độ trùng lặp, tương tự về cấu trúc, bố cục, trình tự, ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh và các yếu tố khác (nếu có);
 - Đánh giá khả năng gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép đối với người tiếp nhận thông thường;
 - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả so sánh, bao gồm yếu tố sáng tạo, đặc điểm thể hiện và bối cảnh sử dụng.

đ) Kỹ năng xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan, xác định giá trị thiệt hại:

- Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan;
- Thu thập, phân tích thông tin, tài liệu về việc khai thác, chuyển giao, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và các yếu tố hình thành giá trị quyền.
- Áp dụng phương pháp định giá phù hợp theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan, phối hợp với chuyên gia thẩm định giá hoặc tổ chức chuyên nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
- Phân tích, xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;
- Phân tích, xác định loại thiệt hại phát sinh do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và mối quan hệ nhân quả theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- Xác định phạm vi, mức độ và thời gian xảy ra thiệt hại do hành vi xâm phạm;
- Thu thập, phân tích tài liệu, chứng cứ làm căn cứ xác định thiệt hại.

e) Kỹ năng cần thiết khác:

- Tra cứu, sử dụng pháp luật đúng quy định; trường hợp có yếu tố nước ngoài còn phải sử dụng các Điều ước, cam kết quốc tế có liên quan;
- Thỏa thuận, soạn thảo hợp đồng dịch vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Xác định chi phí thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Thành lập Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan (trong trường hợp cần thiết): xác định thành viên Hội đồng, tổ chức làm việc, lập biên bản họp của Hội đồng;

- Xây dựng văn bản kết luận giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Thực hành tình huống hoặc học tập thực tế

- Thực hành các kỹ năng phục vụ giám định được đào tạo trên cơ sở các tình huống, vụ việc cụ thể về quyền tác giả, quyền liên quan và xây dựng kết luận giám định;
- Học tập thực tế tại các đơn vị chuyên trách về quyền tác giả, quyền liên quan (tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan, cơ quan quản lý nhà nước, thực thi về quyền tác giả, quyền liên quan).

4. Kiến thức bổ trợ

- Quy định của pháp luật về giám định tư pháp liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan;
- Kiến thức cơ bản về các lĩnh vực liên quan: điện ảnh, âm nhạc, sân khấu, mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn học, báo chí, kiến trúc, phần mềm...;
- Kiến thức cơ bản về định giá, thẩm định giá;
- Kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các vấn đề mới phát sinh trong bảo hộ và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Hoạt động kiểm tra, đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá mức độ tham gia và chấp hành quy định của học viên trong quá trình đào tạo;
- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, bao gồm các nội dung về kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, năng lực thực hành và đạo đức nghề nghiệp (thông qua bài kiểm tra định kỳ hoặc cuối khóa);
- Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá làm căn cứ xác định việc hoàn thành chương trình đào tạo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tài liệu đào tạo bám sát chương trình khung, bảo đảm tính chính xác, phù hợp, cập nhật, linh hoạt với các phương pháp giảng dạy khác nhau.
2. Công tác tổ chức, giảng dạy linh hoạt về thời gian và phương thức tổ chức, kết hợp lý thuyết với thực hành, chú trọng rèn luyện kỹ năng.
3. Giảng viên tham gia giảng dạy phải có kiến thức, có kinh nghiệm thực tế, kỹ năng nghề nghiệp.
4. Đánh giá việc hoàn thành chương trình đào tạo:
 - a) Việc đánh giá học viên căn cứ vào: mức độ tham gia chương trình đào tạo (tối thiểu 80% tổng thời lượng); kết quả các kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo;
 - b) Học viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a khoản này được cấp chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan.